TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/DS-PT;
Ngày: 15/7/2022
V/v Tranh chấp "Chia thừa kế; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Đòi lại quyền sử dụng đất và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: - Ông Trần Hữu Tính.

- Ông Trương Vĩnh Hữu.

- ***Thư ký phiên tòa*****:** Ông Trần Quang Minh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa****:* Ông Võ Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Chia thừa kế; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Đòi lại quyền sử dụng đất và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXX-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Văn K, sinh năm 1981;
Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ T, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng Vũ – Thuộc Văn phòng luật sư Hoàng Vũ, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ T, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Võ Văn T, sinh năm 1958;

3.2 Võ Thị Thu H, sinh năm 1988;

3.3 Võ Văn Đ, sinh năm 1991;

3.4 Võ Văn T, sinh năm 1969;

3.5 Võ Thị M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ T, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mười: Luật sư Dương Thị Kim Loan – Thuộc Văn phòng luật sư Kim Loan, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

3.6 Nguyễn Thế D, sinh năm 1974;

3.7 Nguyễn Thị P, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ T, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

3.8 Võ Văn H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu phố , phường , thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3.9 Võ Thị Gái L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp T Y, xã T Tr, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

3.10 Võ Thị Gái N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp B N, xã B P, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

3.11 Võ Thị C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố , thị trấn V B, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

3.12 Võ Minh H, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ T, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

3.13 Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo pháp luật: Huỳnh Thanh Bình, chức vụ: Chủ tịch UBND

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3.14 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gò Công Tây.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Kim L, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Khu phố, thị trấn V B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo:

4.1 Bị đơn Nguyễn Thị S.

4.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị M.

4.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị C.

Anh K, chị L, các anh chị T, M, G N có mặt; Luật sư Vũ và luật sư Loan có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn anh Võ Văn K trình bày*:

Anh và chị Nguyễn Tuyết L là vợ chồng. Anh K là con của ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị S. Ông Võ Văn R chết ngày 11/12/2002, chết không để lại di chúc. Trong thời gian chung sống ông R, bà S có 09 người con gồm: Võ Văn T, Võ Văn H, Võ Văn T, Võ Thị G L, Võ Thị G N, Võ Thị M, Võ Thị C, Võ Văn T (chết năm 2011 có vợ tên Giảng Thị Thanh L, chết năm 2003 và hai người con là Võ Văn Đ, Võ Thị Thu H) và Võ Văn K.

Lúc sinh thời, cha mẹ anh có tạo lập các tài sản là quyền sử dụng đất gồm:

Thửa đất số 826, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.180m²; thửa đất số 858, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.050 m²; thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.700 m²; thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.740 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 184 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 26/9/1996 cho ông R đứng tên, đất tại ấp T, xã Đ T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 1996, cha mẹ anh chuyển nhượng thửa đất 858, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.050 m² cho bà Đặng Thị A nên ông R chỉ còn 03 thửa đất 826, 1312 và 1313.

Sau khi ông R chết thì bà S đã tự ý kê khai nhận thừa kế bằng hình thức là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 03 thửa đất 826, 1312, 1313 nêu trên sang cho bà đứng tên mà không có ý kiến của các con mà cụ thể là không có ý kiến của anh. Bà S được đứng tên các thửa đất 826, 1312, 1313 với tổng diện tích là 8.720 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00184 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 03/7/2003.

Năm 2005, bà S đã làm hợp đồng chuyển nhượng một phần thửa đất 1312 và 1313, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.092 m² cho Võ Văn T được Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thạnh chứng thực ngày 31/10/2005 và chuyển nhượng cho Võ Thị M diện tích 1.000m², thuộc một phần thửa đất 1312, tờ bản đồ số 4, được Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thạnh chứng thực ngày 31/10/2005. Sau khi nhận được chuyển nhượng thì Võ Thị M cùng chồng là Nguyễn Thế D đã được đứng tên quyền sử dụng đất số H00054 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 23/01/2006 với thửa đất 1312, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.000m²; Võ Văn T cùng vợ Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00053 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 23/01/2006 với thửa đất 2384, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.092 m², đất lúa.

Từ năm 2006 đến năm 2010, thì bà S nhiều lần cấp đổi giấy cũng như bà đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho các con. Năm 2014, bà S đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C các thửa đất sau: Diện tích 981,1m², thửa đất 322, tờ bản đồ số 19; diện tích 487,9m², thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24; diện tích 5.056,6m², thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì chị M, chị C đã được đứng tên quyền sử dụng đất, cụ thể:

+ Thửa đất 322, tờ bản đồ số 19, diện tích 981,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02624 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 28/8/2014.

+ Thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24, diện tích 487,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02615 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014.

+ Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24. diện tích 5.056,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02614 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014.

Như vậy, di sản ông R chết để lại là quyền sử dụng đất với các thửa đất sau:

+ Thửa đất 322, tờ bản đồ số 19, diện tích 981,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02624 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 28/8/2014.

+ Thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24, diện tích 487,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02615 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014.

+ Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24. diện tích 5.056,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02614 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014.

+ Thửa đất 328, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.006,8m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01050 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 06/10/2008 cho chị M, anh D đứng tên.

+ Thửa đất số 2384, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.092m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00053 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 23/01/2006 cho anh T, chị P đứng tên.

Tổng diện tích đất là 8.617,6m², đây là tài sản chung của cha mẹ anh K, khi cha anh chết không để lại di chúc nên diện tích 8.617,6m² : 02 = 4.308,8m², lấy diện tích đất của cha anh được chia là 4.308,8m²: 10 thừa kế (gồm: 09 người con + mẹ anh) = 430,88m².

Anh K yêu cầu được chia thừa kế với diện tích là 430,88m², xin nhận bằng đất. Trên thửa đất số 322, có ngôi nhà của vợ chồng anh, hiện do vợ chồng anh sở hữu và có trồng một số cây dừa, cây kiểng anh K yêu cầu được nhận phần đất gắn liền với ngôi nhà có diện tích 512,4m², nếu phần đất còn lại không chia cho anh thì anh yêu cầu hoàn giá trị cây dừa, cây kiểng lại cho anh theo giá của Hội đồng định giá. Ngoài ra, anh không tranh chấp tài sản nào khác.

Đối với các yêu cầu theo đơn khởi kiện trước đây cũng như yêu cầu bổ sung, anh K xin tự nguyện rút lại toàn bộ, không tranh chấp nữa. Anh K chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản mà cha anh chết để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, chị M, anh không đồng ý.

Đối với kết quả đo đạc, định giá trước đây, anh K không yêu cầu đo đạc, định giá lại, anh yêu cầu căn cứ vào kết quả đo đạc, định giá đó để giải quyết cho anh.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết L trình bày:

Chị là vợ của anh K. Trước đây vợ chồng chị có đơn khởi kiện bà S yêu cầu bà S tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, thực hiện tách bộ sang tên cho vợ chồng anh chị diện tích 2.000m² (trong tổng diện tích 5.056m²), đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang và phần đất nền diện tích 120m² (trong diện tích 981,1m²), đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02614 ngày 14/8/2014 đối với diện tích 5.056m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02624 ngày 28/8/2014 đối với diện tích 981,1m² do UBND huyện Gò Công Tây cấp cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C đứng tên.

Nay chị tự nguyện xin rút lại toàn bộ yêu cầu này và thống nhất với yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản ông R chết để lại của anh K.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Bà và ông Võ Văn R là vợ chồng, chung sống có 09 người con gồm: Võ Văn T, Võ Văn H, Võ Thị G L, Võ Thị G N, Võ Thị M, Võ Thị C, Võ Văn T (đã chết năm 2011) và Võ Văn K.

Bà thừa nhận trước đây, vợ chồng bà có tạo lập tài sản chung gồm: Thửa đất số 826, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.180m²; thửa đất số 858, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.050m²; thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.700m²; thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.740m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 184 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 26/9/1996 cho ông R đứng tên, đất tại ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 1996, vợ chồng bà có chuyển nhượng thửa đất 858, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.050m² cho bà Đặng Thị A nên ông R chỉ còn 03 thửa đất 826, 1312, 1313. Ông R chết năm 2002 không để lại di chúc, thì các thửa đất 826, 1312, 1313 nêu trên bà đã làm thủ tục hưởng thừa kế và đã được đứng tên hợp pháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00184 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 03/7/2003. Năm 2005, bà đã chuyển nhượng cho con gái là Võ Thị M và con trai là Võ Văn T một phần diện tích và hai con bà đã được đứng tên hợp pháp. Năm 2014 thì bà tiếp tục chuyển nhượng cho hai đứa con gái là Võ Thị M, Võ Thị C hết các phần đất còn lại. Nay, bà không còn tài sản nào khác.

Nay, với yêu cầu khởi kiện của Võ Văn K về việc yêu cầu chia thừa kế, bà không đồng ý, hiện bà không còn phần đất nào hết. Các yêu cầu khác trước đây, nay K đã rút lại nên bà không có ý kiến.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Võ Văn T trình bày:

Anh là con của ông R, bà S. Cha mẹ anh chung sống có 09 người con và để lại các tài sản là quyền sử dụng đất như lời trình bày của em anh là Võ Văn K. Nay,

anh thống nhất yêu cầu chia di sản của cha anh là ông Võ Văn R, chết năm 2002, không để lại di chúc. Anh yêu cầu được chia diện tích 430m², loại đất lúa, thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02615 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014 cấp cho chị M, chị C đứng tên. Đối với ngôi nhà, anh không tranh chấp, không yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Chị Võ Thị M trình bày:

Chị là con của ông R, bà S. Trước đây, mẹ chị có chuyển nhượng cho chị diện tích 1.000m², thửa đất 1312, 1313, tờ bản đồ số 4, được Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thạnh chứng thực ngày 31/10/2005 và chị cùng chồng tên Nguyễn Thế D đã được đứng tên hợp pháp.

Năm 2014 thì mẹ chị tiếp tục chuyển nhượng tiếp hai thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19, diện tích 981,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02624 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 28/8/2014; thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24, diện tích 487,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02615 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014 và thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24. diện tích 5.056,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02614 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014 đều cấp cho chị và Võ Thị C đứng tên.

Hiện nay, các thửa đất số 322, 327 đã được thế chấp để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gò Công Tây, Phòng giao dịch Đồng Sơn vay số tiền 120.000.000 đồng, hiện còn nợ khoảng 48.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1707HM144 (6905 – LAV 201707643) ngày 6/10/2017, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1707HND144 ngày 06/10/2017.

Nay, với yêu cầu chia thừa kế của anh Võ Văn K, chị không đồng ý vì các phần đất này chị đã nhận chuyển nhượng từ mẹ và đã được đứng tên hợp pháp. Các yêu cầu khác anh K, chị L đã rút lại hết, chị không có ý kiến.

Chị M yêu cầu anh K, chị L tháo dỡ, di dời ngôi nhà trả lại thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19.

- Chị Nguyễn Thị P trình bày:

Trước đây chị được ông R (cha chồng) cho phần đất diện tích 1.092m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận ngày 23/01/2006. Do anh K, anh T có yêu cầu kiện tranh chấp đất và chia tài sản thừa kế đối với phần đất trên, chị không đồng ý. Chị thống nhất lời trình bày của anh T.

- Anh Nguyễn Thế D trình bày:

Trước đây anh được ông R (cha vợ) cho phần đất diện tích 1.006,8m² thửa đất 328, tờ bản đồ số 24, đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2008. Nay, anh K, anh T có yêu cầu kiện tranh chấp

đất và chia thừa kế đối với phần đất trên anh không đồng ý. Anh thống nhất lời trình bày của chị M

- C*hị Võ Thị C trình bày:*

Năm 2014, chị và chị Võ Thị M cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của mẹ là bà Nguyễn Thị S đứng tên gồm:

1. Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24, diện tích 5.056,6m², loại đất lúa, đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02614 cấp ngày 14/8/2014.

2. Thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19, diện tích 981,1m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận QSD đất số CH02624 cấp ngày 28/8/2014.

Chị nhận chuyển nhượng với giá 360.000.000 đồng và đã giao tiền cho mẹ chị và mẹ chị đã giao đất cho chị sử dụng đến nay. Nay, anh K yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha chị để lại thì chị không đồng ý vì đất này chị đã nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Chị C yêu cầu anh K, chị L tháo dỡ, di dời ngôi nhà trả lại thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19.

- Chị Võ Thị G N, chị Võ Thị G L, anh Võ Văn T, anh Võ Văn H cùng trình bày:

Các anh chị là con của ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị S, ông R chết năm 2002. Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông R. Ý kiến của các anh chị về yêu cầu của anh K là hiện nay mẹ của các anh chị không còn đất để chia tài sản nên các anh chị không đồng ý chia phần đất diện tích 8.720m² của ông R được cấp năm 1996, sau khi ông R chết thì mẹ các anh chị đứng tên. Anh H cũng được cha cho 1.000m² đất lúc còn sống nhưng anh H không sử dụng mà bán cho chị M

Nay, các anh chị không có yêu cầu chia thừa kế và cũng không có ý kiến gì, anh chị xin vắng mặt tại Tòa án.

- Anh Võ Văn Đ, chị Võ Thị Thu H cùng trình bày:

Anh chị là cháu nội của ông R, bà S, ông R chết năm 2002, con ông Võ Văn T (chết năm 2011). Ý kiến của anh chị về yêu cầu của ông K là hiện bà S không còn đất để chia tài sản nên anh chị không đồng ý chia phần đất 8.720m² của ông R được cấp năm 1996, sau khi ông R chết thì bà S đứng tên. Ông H cũng được bà S cho 1.000m² đất lúc còn sống nhưng ông H không sử dụng mà bán lại cho cô M, hiện nay cô M cùng chồng là Nguyễn Thế D đứng tên. Phần đất còn lại của bà nội đứng tên nhưng sau đó đã chuyển cho cô M, cô C đứng tên. Nay anh chị không có yêu cầu chia thừa kế và cũng không có ý kiến gì thêm và anh chị xin vắng mặt tại Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Gò Công Tây trình bày:

Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng với chị Võ Thị M theo hợp đồng tín dụng số 6905LA201707643 số tiền vay là 120.000.000 đồng, ngày giải ngân: 10/10/2017, ngày đến hạn: 20/9/2022, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất với thửa đất số 327, tờ bản đồ số 24, diện tích 5.056,6m², loại đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02614 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014 cho chị M, chị C đứng tên và thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19, diện tích 981,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02624 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 28/8/2014 cho chị M, chị C đứng tên.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với chị Võ Thị M, Ngân hàng không biết tài sản bảo đảm tiền vay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang bị tranh chấp. Ngày 13/9/2021, chị M đã tất toán khoản nợ vay cho Ngân hàng và Phòng giao dịch Đồng Sơn đã xuất tài sản đảm bảo tiền vay cho khách hàng theo quy định.

- *Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây* mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, chị L.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 634, Điều 637, Điều 679, Điều 680, Điều 688, Điều 738 Bộ luật dân sự 1995; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Võ Văn K.

- Chia cho anh Võ Văn K diện tích 512,4m², loại đất ở nông thôn (150m²) + đất trồng cây lâu năm (362,4m²), thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19, nằm trong diện tích 981,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02624 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 28/8/2014 cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C đứng tên, đất tại ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất Nguyễn Thành T;

+ Tây giáp đất Đỗ Thành N, Võ Thị M và Võ Thị C;

+ Nam giáp đất Nguyễn Thị Thu T;

+ Bắc giáp đất Nguyễn Duy B. (Có sơ đồ vị trí khu đất kèm theo)

- Anh Võ Văn K có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất chênh lệch diện tích 81,51m² cho chị M, chị C với số tiền 8.151.000 đồng *(tám triệu một trăm năm mươi một ngàn đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc chị Võ Thị M, chị Võ Thị C có nghĩa vụ bồi thường cho anh Võ Văn K, chị Nguyễn Tuyết L giá trị 08 cây dừa loại C với số tiền 3.640.000 đồng *(ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị M, chị C, anh K và chị L cho đến khi thi hành án xong anh K, chị C và chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chị Võ Thị Mười và chị Võ Thị C được quyền sở hữu 08 cây dừa loại C trên phần đất diện tích 468,7m² thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn K, chị Nguyễn Tuyết L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tách bộ sang tên cho vợ chồng anh chị diện tích 2.000m² (trong tổng diện tích 5.056,6m²), đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và phần đất nền diện tích 120m² (nằm trong diện tích 981,1m²), đất tại ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02614 ngày 14/8/2014 đối với diện tích 5.056m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02624 ngày 28/8/2014 đối với diện tích 981,1m² do UBND huyện Gò Công Tây cấp cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C cùng đứng tên.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập chia thừa kế của anh Võ Văn T.

Chia cho anh Võ Văn T diện tích 430m², thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24, nằm trong diện tích 487,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02615 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014 cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C đứng tên, đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất Võ Thị M và Võ Thị C;

+ Tây giáp đất Nguyễn Văn L;

+ Nam giáp đất Võ Thị M và Võ Thị C;

+ Bắc giáp đất Võ Văn T, Nguyễn Thị S. (Có sơ đồ vị trí khu đất kèm theo)

- Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Kiến nghị Uỷ ban nhân dân huyện Gò Công Tây thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Võ Thị M, Võ Thị C theo quy định pháp luật.

- Giao các phần đất còn lại cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C, anh Võ Văn T tạm thời quản lý, sử dụng đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M, chị Võ Thị C yêu cầu anh K, chị L trả lại đất cho hai chị. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Võ Thị M về việc yêu cầu anh K, chị L tháo dỡ, di dời ngôi nhà.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 01 tháng 11 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M và bà Võ Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn K, chị Nguyễn Tuyết L và yêu cầu chia thừa kế của anh Võ Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, có bổ sung yêu cầu xem xét về giá trị chuyển nhượng đất giữa bà S với chị M, chị C, không đồng ý tính giá trị bình quân các thửa đất. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có nhiều lập luận, trình bày: Nguồn gốc các thửa đất là của cha mẹ anh K là ông R và bà S. Sau khi ông R chết thì việc bà S tự chuyển nhượng, cấp giấy chứng nhận là có vi phạm, không đúng qui định; anh K yêu cầu chia thừa kế kỷ phần của ông R là có cơ sở để xem xét; anh K yêu cầu được chia phần diện tích đất anh K đang sử dụng gồm có căn nhà và có lối đi là phù hợp, anh K tự nguyện hoàn trả giá trị chênh lệch phần diện tích dư ra. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M và chị C có nhiều lập luận, trình bày: Phần di sản thừa kế hiện nay do chị M và chị C nhận chuyển nhượng từ bà S, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia di sản là không phù hợp, nếu chia di sản thừa kế mà không xem xét giá trị chuyển nhượng là gây thiệt thòi quyền lợi của chị M và chị C, việc tính giá trị bình quân các thửa đất để buộc anh K hoàn trả giá trị là không phù hợp. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa theo qui định tố tụng.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc các thửa đất là của ông R và bà S. Sau khi ông R chết thì việc bà S tự kê khai để đứng tên quyền sử dụng là không đúng qui định pháp luật đất đai, từ đó bà S chuyển nhượng cho chị M và chị C, anh T là không đúng. Về giá trị chuyển nhượng đất do các đương sự không yêu cầu tại cấp sơ thẩm nên không xem xét. Anh K và anh T yêu cầu chia thừa kế kỷ phần của ông R là có cơ sở để xem xét. Bản án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết vụ án, là phù hợp, có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đương sự có nhiều yêu cầu trong vụ án, trong quá trình giải quyết và xét xử sơ thẩm đã rút lại: Nguyên đơn chỉ có yêu cầu là chia

thừa kế theo pháp luật; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Võ Văn T có yêu cầu độc lập là chia thừa kế theo pháp luật; chị Võ Thị M, Võ Thị C yêu cầu nguyên đơn trả lại diện tích đất đang quản lý. Trên cơ sở yêu cầu kháng cáo của đương sự. Xác định quan hệ pháp luật còn lại trong vụ án là: Chia thừa kế và Quyền sử dụng đất.

Đương sự thực hiện thủ tục kháng cáo theo qui định. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, nhưng đã có lời khai đầy đủ và có những người vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II]. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Nguồn gốc đất tranh chấp có các số thửa: 826 diện tích 1.180m^2, 1312 diện tích 1.700m^2, 1313 diện tích 5.840m^2 và 858 diện tích 1.050m^2 tại địa chỉ ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang do ông Võ Văn R đứng tên quyền sử dụng vào ngày 26/9/1996, ông R với bà Nguyễn Thị S là vợ chồng. Trong năm 1996 đã sang nhượng thửa 858 diện tích 1.050m^2 cho bà Đặng Thị A. Năm 2002 ông R chết, bà S thực hiện thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất còn lại là thửa: 826 diện tích 1.180m^2, 1312 diện tích 1.700m^2, 1313 diện tích 5.840m^2 vào ngày 03/7/2003. Theo đó, có tổng diện tích là 8.720m^2.

[II.1]- Trong quá trình quản lý sử dụng, từ năm 2005 đến năm 2008, 2014 bà Nguyễn Thị S thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất cho các con là Võ Văn T (cùng với vợ là Nguyễn Thị P), Võ Thị C, Võ Thị M (cùng với chồng là Nguyễn Thế D). Từ đó, anh T, chị P, chị C và chị M, anh D, bà S được cấp quyền sử dụng lại các thửa đất, tính về thời gian sau cùng là năm 2014 đến nay, bà S đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 8.720m^2, cụ thể các thửa đất hiện nay như sau:

1. Thửa 322, diện tích 981,1m^2 (đất ONT và cây lâu năm) do chị Võ Thị M và Võ Thị C đứng tên quyền sử dụng ngày 28/8/2014, tại địa chỉ ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. (Thửa đất này nguyên đơn là anh K và chị L yêu cầu chia thừa kế; còn chị M và chị C thì yêu cầu anh K và chị L phải trả lại phần diện tích anh K và chị L đang quản lý, sử dụng).

2. Thửa 288, diện tích 487,9m^2 (đất trồng lúa) do chị Võ Thị M và Võ Thị C đứng tên quyền sử dụng ngày 14/8/2014, tại địa chỉ ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. (Thửa đất này anh T yêu cầu chia thừa kế).

3. Thửa 327, diện tích 5.056,6m^2 (đất trồng lúa) do chị Võ Thị M và Võ Thị C đứng tên quyền sử dụng ngày 14/8/2014, tại địa chỉ ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

4. Thửa 328, diện tích 1.006,8m^2 (đất trồng lúa) do chị Võ Thị M và Nguyễn Thế D đứng tên quyền sử dụng ngày 06/10/2008, tại địa chỉ ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

5. Thửa 2384 (đổi là 339), diện tích 1.092m^2 (đất trồng lúa) do anh Võ Văn T và Nguyễn Thị P đứng tên quyền sử dụng ngày 14/8/2014, tại địa chỉ ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Tổng diện tích là 8.624,4m^2 (có giảm 95,6m^2 so với diện tích trước đây là 8.720m^2), và qua đo đạc hiện trạng thực tế hiện nay thì diện tích chênh lệch không nhiều.

[II.2]- Như vậy, có căn cứ xác định nguồn gốc đất là của ông R và bà S, sau khi ông R mất (năm 2002), thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vẫn còn, di sản thừa kế là ½ diện tích 8.624,4m^2 của ông R. Bà S tự định đoạt, chuyển nhượng toàn bộ diện tích là không phù hợp pháp luật thừa kế. Anh K, anh T yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông R là phù hợp. Do diện tích đất anh K, chị L đang quản lý, sử dụng là thuộc di sản thừa kế của ông R, nên việc bà S, chị M, chị C không đồng ý, yêu cầu anh K, chị L trả lại diện tích đất là không có cơ sở để xem xét.

Bản án sơ thẩm tính tổng diện tích là 8.617,6m^2 là diện tích đo đạc thực tế để chia kỷ phần thừa kế, theo đó mỗi kỷ phần là 430m^2. Do anh K đang sinh sống tại căn nhà, phải có lối đi, nên xác định chia cho anh K diện tích 512,4m^2 (gồm diện tích căn nhà và lối đi) có lớn hơn kỷ phần thừa kế là 430m^2, không xem là vượt quá phạm vi khởi kiện, anh K có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chệnh lệch. Mặc dù chia cho anh T diện tích 430m^2 trong thửa 288 có diện tích 487,9m^2 là đất trồng lúa, thửa đất này sau khi chia có thừa lại 57,9m^2. Nhưng do diện tích các thửa đất này đều liền kề với nhau, nên việc làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất cũng phù hợp pháp luật đất đai và quyền sử dụng thực tế tại địa phương. Chia di sản là diện tích đất thực tế hiện nay là phù hợp về người sử dụng.

[II.3]- Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M và Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho chị M, chị C có đưa ra yêu cầu xem xét về giá trị chuyển nhượng đất giữa bà S với chị M và chị C. Hội đồng xét xử xét thấy khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất của bà S thì chị M, chị C có biết nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, các chị thuộc trong hàng thừa kế, nhận chuyển nhượng toàn bộ di sản mà các hàng thừa kế khác chưa được chia thì không được xem là ngay tình. Đồng thời, do chị M, chị C không có ý kiến và yêu cầu tại cấp sơ thẩm, nên phúc thẩm không xem xét; nếu có tranh chấp về số tiền chuyển nhượng thì giữa chị M, chị C khởi kiện một vụ án khác với bà S. Về giá trị đất phần diện tích chênh lệch mà anh K có nghĩa vụ hoàn lại cũng là phù hợp.

[II.4]- Do hàng thừa kế của ông R là bà S, chị M, chị C, anh T, anh H, chị G L, G N, Võ Thị Thu H và Võ Văn Đ không có tranh chấp trong vụ án này; nên giao phần diện tích đất còn lại cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C, anh Võ Văn T tạm thời quản lý, sử dụng.

[III]. Từ những phân tích đã nêu, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, chị M và chị C. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[IV]. Chấp nhận đề nghị của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn.

Không chấp nhận đề nghị của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho chị M.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[V]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, chị Võ Thị M, Võ Thị C không được chấp nhận nên bà S, chị M và chị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xem xét bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[VI]. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 634, Điều 637, Điều 679, Điều 680, Điều 688, Điều 738 Bộ luật dân sự 1995; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 99, 167 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; chị Võ Thị M và Võ Thị C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Võ Văn K.

- Chia cho anh Võ Văn K được quyền sử dụng diện tích 512,4m², loại đất ở nông thôn (150m²) + đất trồng cây lâu năm (362,4m²), thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19, nằm trong diện tích 981,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02624 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 28/8/2014 cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C đứng tên, đất tại ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất Nguyễn Thành T;

+ Tây giáp đất Đỗ Thành N, Võ Thị M và Võ Thị C;

+ Nam giáp đất Nguyễn Thị Thu T;

+ Bắc giáp đất Nguyễn Duy B. (Có sơ đồ vị trí khu đất kèm theo)

- Anh Võ Văn K có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất chênh lệch diện tích 81,51m² cho chị M, chị C với số tiền 8.151.000 đồng *(tám triệu một trăm năm mươi một ngàn đồng)*.

- Buộc chị Võ Thị M, chị Võ Thị C có nghĩa vụ bồi thường cho anh Võ Văn K, chị Nguyễn Tuyết L giá trị 08 cây dừa loại C với số tiền 3.640.000 đồng *(ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)*.

- Chị Võ Thị M và chị Võ Thị C được quyền sở hữu 08 cây dừa loại C trên phần đất diện tích 468,7m² thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 19.

*. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị M, chị C, anh K và chị L cho đến khi thi hành án xong anh K, chị C và chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập chia thừa kế của anh Võ Văn T.

Chia cho anh Võ Văn T được quyền sử dụng diện tích 430m², thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 24, nằm trong diện tích 487,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02615 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/8/2014 cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C đứng tên, đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất Võ Thị M và Võ Thị C;

+ Tây giáp đất Nguyễn Văn L;

+ Nam giáp đất Võ Thị M và Võ Thị C;

+ Bắc giáp đất Võ Văn T, Nguyễn Thị S. (Có sơ đồ vị trí khu đất kèm theo)

- Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Kiến nghị Uỷ ban nhân dân huyện Gò Công Tây thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Võ Thị M, Võ Thị C theo quy định pháp luật.

- Giao diện tích thuộc các thửa đất còn lại cho chị Võ Thị M, chị Võ Thị C, anh Võ Văn T tạm thời quản lý, sử dụng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M, chị Võ Thị C yêu cầu anh K, chị L trả lại diện tích 512,4m² cho hai chị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị S được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005777 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong về án phí phúc thẩm.

- Chị Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005776 ngày

01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong về án phí phúc thẩm.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Giàu